

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/03/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK9+CTK3	7:25	12+10	0+0		5+14	0+0	
2		PPD	7:25	22	0		22	0	
3		P4+MRM+BK4	7:25	10+12+0	0+0+0		7+4+10	0+0+0	
4		TD2+P5	7:25	16+6	0+0		14+7	0+0	
5		VSP02+P5	9:25	13+9	0+0		13+9	0+0	
6		AMD+BK9-P8	9:25	22+0+0	0+0+0		17+2+3	0+0+0	
7		MRM+RP2+RP3	9:25	9+0+13	0+0+0		3+3+14	0+0+0	
8		AMD+P4	9:25	10+12	0+0		2+19	0+0	
9		PPD	11:25	22	0		22	0	
10		PPD+BK14	11:25	15+7	0+0		15+7	0+0	
11		CTK3+P1-VSP01	11:25	21+0	0+0		12+6	0+0	
12		P6+MRM	13:25	5+17	0+0		5+17	0+0	
13		AMD+CNV	13:25	14+8	0+0		0+13	0+0	
14		VSP02+CLO	13:25	22+0	0+0		19+2	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ ĐI VỀ TRONG NGÀY BK9-6NG

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: BK9 - CTK3	CREW: ATUẤN - Hạnh - Năm	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM ĐÌNH QUYỀN	BK9	10	1	3	67	76	D-HANH	Vietnamese
2	HA THANH SANG	BK9	11-12	2	20		65	D-HANH	Vietnamese
3	BONDARENKO	BK9	13	1	5		100	KH-THAC	Russian
4	POPOV	BK9	14	1	5		73	KH-THAC	Russian
5	BAMBUROV	BK9	93	1	5		98	KH-THAC	Russian
6	AVAKIAN	BK9	92	1	2		95	KH-THAC	Russian
7	TRẦN NGỌC CHÍNH	BK9	15	1	9		73	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG QUANG HUY	BK9	94	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VĂN BÌNH	BK9	97	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ ANH TUẤN	BK9	95-96	2	18		66	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC MINH	BK9	98-99	2	18		65	CODIEN	Vietnamese
12	TRẦN VĂN NĂNG	BK9	09	1	8		65	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN THÀNH NGHĨA	CTK3	47-48	2	19		70	VHI	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY KHÂM	CTK3	38-39	2	15		66	VHI	Vietnamese
15	MUHAMMAD NAZIR BIN NOR AZMAN	CTK3	49-50	2	20		70	VHI	Malaysian
16	BAGRAMOV A.G	CTK3	40	1	8		92	KH-THAC	Russian
17	BUI THẾ DIỄN	CTK3	42	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG HAI	CTK3					76	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HOANG HA	CTK3	45-46	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI KHẮC PHONG	CTK3	44	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TRỌNG KIM	CTK3	43	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
22	HA MINH GIANG	CTK3	41	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	12	15	103	914	67	5		DIEU PHAI: PHAM HUU TUNG
2	CTK3	10	13	94	734	0	17		
TOTAL		22	28	197	1.648	67	22		
WEIGHT KG				197	1.648	67			

GRAND TOAL: 1.912 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: PPD	CREW: Vận - CHIẾN - THỤ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SHEREMENTEV	PPD	51	1	2		72	D-HANH	Russian
2	NG. HOAI VU	PPD	47	1	5	60	65	D-HANH	Vietnamese
3	KRAPIVKA	PPD	53	1	5	35	90	KH-THAC	Russian
4	LAM QUANG NAM	PPD	49	1	7	77	80	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN MINH VIEN	PPD	45-46	2	13		75	KHI	Vietnamese
6	TON THAT HOANG QUAN	PPD	50	1	7		82	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN MINH KHOA	PPD	48	1	5		72	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN THANH TUNG	PPD	60-61	2	17		65	YTE	Vietnamese
9	PHAM THANH KIM	PPD	88	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI VAN VIEN	PPD	62	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐANG VAN NINH	PPD					65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN MANH CUONG	PPD	63	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VAN ĐAO	PPD	64	1	5		92	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN CAO CUONG	PPD					65	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐAO MANH HUY	PPD	65	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN SINH	PPD	55	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN THANH TRI	PPD	66	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGO ĐUC VONG	PPD					62	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐO ĐUC QUAN	PPD	52	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI NANG PHONG	PPD	59	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN CHUNG	PPD	56-57	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN SON	PPD	54	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	22	117	1.588	172	22		
	TOTAL	22	22	117	1.588	172	22		
	WEIGHT KG			117	1.588	172			

GRAND TOAL: 1.877 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: P4 - MRM - BK4	CREW: HUNG - MTuấn - Luy	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ QUỐC VIỆT	P4	49	1	5	50	62	KHI	Vietnamese
2	SUDAKOV A.A	P4	55	1	8		109	KHI	Russian
3	PHẠM VĂN QUYÊN	P4	46	1	7		75	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN BẠCH DƯƠNG	P4	52	1	7		76	KHI	Vietnamese
5	BUI HUU LAN	P4	48	1	3		72	KHI	Vietnamese
6	TRẦN DUY KHUÔNG	P4	51	1	3		86	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH CỬ	P4	54	1	8		75	KHI	Vietnamese
8	LÊ VĂN HƯƠNG	P4	50	1	5		70	KHI	Vietnamese
9	LÊ NGỌC KỲ	P4	53	1	3		70	KHI	Vietnamese
10	HOANG HUY TIEN	P4	47	1	5		58	KHI	Vietnamese
11	GRISENKO	MRM	75-76	2	12		75	KHOAN	Russian
12	POLIAKOV IVAN	MRM	74	1	10		72	KHOAN	Russian
13	SHLYK VIKTOR	MRM	84-85	2	16		114	KHOAN	Russian
14	POLIAKOV D	MRM					80	KHOAN	Russian
15	PETRUNKO	MRM	72-73	2	25		105	KHOAN	Russian
16	MOLODYKH	MRM	87	1	10		82	KHOAN	Russian
17	SOLOMATIN	MRM	81	1	10		96	KHOAN	Russian
18	AGANIAN	MRM	77-78	2	14		85	KHOAN	Russian
19	KULIK	MRM	82-83	2	18		68	KHOAN	Russian
20	LE VAN DUONG	MRM	86	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN LONG NHẬT	MRM	79	1	5		47	KHOAN	Vietnamese
22	IVANOV	MRM	80	1	8		76	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	10	10	54	753	50	7		
2	MRM	12	16	132	972	0	4		
3	BK4	0	0	0	0	40	10		
TOTAL		22	26	186	1.725	90	21		
WEIGHT KG				186	1.725	90			

GRAND TOAL: 2.001 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	TO: TD2 - P5	CREW: Phong - N.Anh - Toan	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ MẠNH THẮNG	TD2	88	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ MẠNH THẮNG	TD2	77	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
3	TRƯƠNG THANH TÙNG	TD2	78	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
4	NG QUỐC ĐOÀN*PK-PVD	TD2	79	1	8		56	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH TUYỀN	TD2	75	1	9	22	75	KHOAN	Vietnamese
6	NGÔ VĂN HUY	TD2	81-82	2	12		74	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM THANH GIANG	TD2	86	1	4	70	70	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ XUÂN TRƯỞNG	TD2	74	1	2		66	KHOAN	Vietnamese
9	LÝ ANH TUẤN*PK-PVD	TD2	90,96	2	13		80	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH ANH	TD2	80	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
11	ĐỖ BA NAM	TD2	76	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN QUANG HÙNG	TD2	85	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
13	BUI VĂN QUYẾT	TD2	84	1	10		86	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH HOÀN	TD2	83	1	8		57	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ XUÂN TÙNG	TD2	89	1	8		67	ANTOAN	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN LAN	TD2	87	1	5		70	GETRACO	Vietnamese
17	DAVUDOV D.S	P5	04	1	3		67	KHOAN	Russian
18	NGUYỄN BA LƯỢNG	P5	02	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN ĐỨC DỤC	P5	06	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
20	HOANG ĐẠI NGHĨA*PK-PVD	P5	03	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN TÂN PHƯỚC	P5	01	1	10		64	KHOAN	Vietnamese
22	VŨ VĂN HOA	P5	05	1	4		60	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	16	18	112	1.138	92	14		
2	P5	6	6	39	391	0	7		
TOTAL		22	24	151	1.529	92	21		
WEIGHT KG				151	1.529	92			

GRAND TOAL: 1.772 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	TO: VSP02 - P5	CREW: ATUẤN - Hạnh - Năm	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ CÔNG HOAN	VSP02					66	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG NGỌC CUÔNG	VSP02					72	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM TRUNG SÔNG	VSP02					90	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN XUÂN KINH	VSP02					62	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC THẠCH	VSP02	86	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	87	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ THAI SƠN	VSP02	90	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN CHIẾN THẮNG	VSP02	91	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	CAO VĂN KHA KHA	VSP02	88	1	4		89	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02					60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH THẢO	VSP02					76	KH-THAC	Vietnamese
12	DƯƠNG TRUNG VIỆT	VSP02	89	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT NGỌC	VSP02	85	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NGÂN	P5	92	1	5	30	65	KHOAN	Vietnamese
15	NG ĐÌNH CUÔNG*TD-PVDT	P5	91	1	5	50	70	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN XUÂN	P5	88	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ CAO BẰNG	P5	96	1	4		81	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG DŨNG	P5	90	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM XUÂN HUY	P5	93	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM VĂN SƠN	P5	89	1	10		55	KHOAN	Vietnamese
21	PHAN VĂN HỒNG	P5	87	1	5		63	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HÙNG	P5	86	1	4		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	13	7	35	923	0	13		
2	P5	9	9	45	600	80	9		
TOTAL		22	16	80	1.523	80	22		
WEIGHT KG				80	1.523	80			

GRAND TOAL: 1.683 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	TO: AMD - BK9 - P8	CREW: Vậ - CHIẾN - THỤ	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE TRI TRUNG	AMD	18	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN ANH KHOA	AMD	32	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN QUANG LONG	AMD	20	1	5	65	74	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH THAI HUNG	AMD	17	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	DO THE THANH	AMD	41-42	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HOANG LONG	AMD	46-47	2	17		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HIỆP THANH	AMD	21	1	7		85	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYEN QUỐC BIỂU	AMD	22	1	12		65	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYEN TRUNG PHONG	AMD	33	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYEN KIM TUÂN	AMD	24	1	10		90	CODIEN	Vietnamese
11	LÊ HỮU TỬ	AMD	19	1	7		75	CODIEN	Vietnamese
12	ĐẶNG VĂN LỢI	AMD	25	1	5		72	CODIEN	Vietnamese
13	LÊ THANH BỘ	AMD	26	1	5		55	CODIEN	Vietnamese
14	PHẠM XUÂN HAI	AMD	23	1	10		72	CODIEN	Vietnamese
15	LÊ VĂN DŨNG	AMD	27,31	2	17		67	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN LÊ HOÀNG LONG	AMD	28	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYEN KHAC TOAN	AMD	48-49	2	10		67	BAB	Vietnamese
18	CHU DUC CHI	AMD	39-40	2	13		70	HLJOC	Vietnamese
19	PHAM VU THANG	AMD	35	1	12		75	TLJOC	Vietnamese
20	TRAN ANH QUAN	AMD	36-37	2	14		67	TLJOC	Vietnamese
21	LE THANH DANH	AMD	29-30	2	12		65	TLJOC	Vietnamese
22	CU XUAN HUY	AMD	38	1	10		65	HLJOC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	29	211	1.548	65	16		CHUYEN 2 PAX BK9 SANG P8
2	BK9	0	0	0	0	20	4+2		
3	P8	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	29	211	1.548	85	20		
WEIGHT KG				211	1.548	85			

GRAND TOAL: 1.844 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	TO: MRM - RP2 - RP3	CREW: HUNG - MTuấn - Luy	ETA: 11:20
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DROZDOV	MRM	92	1	10		82	KHOAN	Russian
2	FERAFONTOV	MRM	93	1	10		99	KHOAN	Russian
3	ROIK	MRM	94	1	8		80	KHOAN	Russian
4	POGIEV	MRM	95-97	3	18		82	KHOAN	Russian
5	ZIMIN	MRM	98-99	2	17		63	KHOAN	Russian
6	SUKHANOV	MRM	90	1	8		90	KHOAN	Russian
7	ZHUIKO	MRM	91	1	8		94	KHOAN	Russian
8	MIROPOLSEV	MRM	89	1	11		103	KHOAN	Russian
9	ZGONIK	MRM	88	1	15		88	KHOAN	Russian
10	ĐINH HOAI ĐỨC	RP3	78	1	5		65	KHI	Vietnamese
11	TU NGOC HAI	RP3	71-72	2	8		78	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TAN	RP3					65	KHI	Vietnamese
13	LANH TRUNG ĐÔNG	RP3	76	1	3		66	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN TRỌNG TUẤN	RP3					85	KHI	Vietnamese
15	TRẦN VIỆT QUANG	RP3	79	1	4		72	KHI	Vietnamese
16	NGÔ THANH LÂM	RP3	70	1	4		70	KHI	Vietnamese
17	ĐUƠNG HỒNG QUÂN	RP3	74-75	2	11		60	KHI	Vietnamese
18	PHẠM DUY DŨNG	RP3					70	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN TRUNG KIẾN	RP3					72	KHI	Vietnamese
20	PHẠM BÌNH NAM	RP3	77	1	5		62	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN TRUNG HOA	RP3	80	1	8		74	KHI	Vietnamese
22	TRẦN NGỌC VĂN	RP3	73	1	12		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	9	12	105	781	0	3		
2	RP2	0	0	0	0	0	5		
3	RP3	13	11	60	901	0	13		
TOTAL		22	23	165	1.682	0	21		
WEIGHT KG				165	1.682	0			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT:	TO: AMD - P4	CREW: Phong - N.Anh - Toan	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRUONG THO	AMD	63-64	2	14		64	TLJOC	Vietnamese
2	NGO SY KHOI	AMD	71	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN BAC HA	AMD	69	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG TRUNG KIEN	AMD	60	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
5	THAI NGUYEN HAI VI	AMD	61	1	10		87	KH-THAC	Vietnamese
6	TRUONG LE ANH DUNG	AMD	66	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
7	PHI MANH HAI	AMD	70	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
8	LE MINH THUAN	AMD	67-68	2	13		65	KH-THAC	Vietnamese
9	LE THANH TAN	AMD	62	1	10	12	60	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI TRAN LIEM	AMD	65	1	5	45	63	KH-THAC	Vietnamese
11	VU NGOC TUAN	P4	03	1	5		84	KHI	Vietnamese
12	LE TRUNG LAM	P4	04	1	5		68	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN CHIEN CONG	P4	02	1	4		67	KHI	Vietnamese
14	DOAN VAN TRUC	P4	801	1	4		72	KHI	Vietnamese
15	HOANG THAI DUONG	P4					74	KHI	Vietnamese
16	PHAN DINH NHAM	P4	01	1	3		60	KHI	Vietnamese
17	TRAN XUAN TRUNG	P4	42	1	4		72	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN VAN SANG	P4	40-41	2	8		65	KHI	Vietnamese
19	ANSEROV V.	P4					80	KH-THAC	Russian
20	IMAEV	P4	100	1	5		75	KHI	Russian
21	NGUYEN VAN NGHI	P4	05	1	5		70	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN TRUNG THANG	P4	99	1	4		82	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	10	12	92	714	57	3		
2	P4	12	11	47	869	0	19		
TOTAL		22	23	139	1.583	57	22		
WEIGHT KG				139	1.583	57			

GRAND TOAL: 1.779 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	TO: PPD	CREW: Hạnh - Dương - DTùng	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VIỆT TIẾN	PPD	88-89	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
2	LE VAN VIET	PPD	83	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐĂNG QUANG	PPD	87	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM TRẦN HỮU PHÚC	PPD	85	1	5		98	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÌNH THÈ QUAN	PPD	91	1	5		71	KHI	Vietnamese
6	BUI THANH HAI	PPD	86	1	3		60	KHI	Vietnamese
7	PHAN VĂN TÙNG	PPD	94	1	10		74	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐĂNG HUY	PPD	93	1	4		81	KHI	Vietnamese
9	TRẦN VĂN DŨNG	PPD					74	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU HAO	PPD	75	1	6		78	KHI	Vietnamese
11	VŨ TÁ QUANG	PPD	82	1	5		72	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC THU	PPD	95	1	5		62	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN VINH	PPD	81	1	4		80	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	96	1	5		64	KHI	Vietnamese
15	LE MINH PHỤNG	PPD	97	1	8		75	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN HUY SƠN	PPD	79-80	2	6		78	KHI	Vietnamese
17	PHẠM HỒNG THAI	PPD	76	1	4		66	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	90	1	4		60	KHI	Vietnamese
19	ĐOÀN DUY HUNG	PPD	77	1	9		90	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN HUYNH	PPD	78	1	4		50	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	84	1	5		79	KHI	Vietnamese
22	ĐẶNG PHÚC THĂNG	PPD	92	1	5		81	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	23	121	1.590	0	22		
TOTAL		22	23	121	1.590	0	22		
WEIGHT KG				121	1.590	0			

GRAND TOAL: 1.711 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:35
FLIGHT:	TO: PPD - BK14	CREW: Khang - MTHAO - THỤ	ETA: 13:15
cam-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN HOÀNG CHUÔNG	PPD	07	1	5		62	KHI	Vietnamese
2	HUYNH NAM LONG	PPD	03	1	4		70	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC HOA	PPD	08	1	5		70	KHI	Vietnamese
4	TRẦN SƠN HAI	PPD	02	1	5		70	KHI	Vietnamese
5	LÊ QUANG NINH	PPD					65	KHI	Vietnamese
6	LÊ ĐÌNH THAO	PPD	09-10	2	12		67	KHI	Vietnamese
7	VŨ VĂN THƯƠNG	PPD	12-13	2	12		70	KHI	Vietnamese
8	TRẦN VĂN NGỌC	PPD	11	1	5	32	78	KHI	Vietnamese
9	THAI DOÀN BÌNH	PPD	15-16	2	17		70	NIPI	Vietnamese
10	PHẠM HOÀNG LONG	PPD	17	1	10		80	NIPI	Vietnamese
11	HOÀNG VĂN CÔNG	PPD	01	1	5		58	PSV	Vietnamese
12	PHẠM HỮU ANH	PPD	14	1	5		65	PSV	Vietnamese
13	TRẦN NGỌC QUANG	PPD	06	1	5		68	PSV	Vietnamese
14	PHAN THANH HAI	PPD	04	1	5		65	PSV	Vietnamese
15	PHẠM THANH HÙNG	PPD	05	1	5		60	PSV	Vietnamese
16	LÊ VĂN TOÀN	BK14	55	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ THANH LIÊM	BK14	53	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẠO KIM CUƠNG	BK14	56	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ ĐÌNH HUY	BK14	52	1	10	80	62	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM VĂN TUYẾN	BK14	39	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN ĐĂNG TUẤN	BK14	51	1	12		60	DVL	Vietnamese
22	PHAN TIẾN CUƠNG	BK14	54	1	4		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	15	17	100	1.018	32	15		
2	BK14	7	7	55	450	80	7		
TOTAL		22	24	155	1.468	112	22		
WEIGHT KG				155	1.468	112			

GRAND TOAL: 1.735 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:40
FLIGHT:	TO: CTK3 - P1 - VSP01	CREW: Hồi - MTuấn - NNam	ETA: 13:20
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG TUẤN	CTK3	67	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC TUỖNG	CTK3	63	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
3	DOÀN QUANG TUẤN	CTK3	76	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ĐỨC HẠNH	CTK3	59	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THANH QUANG	CTK3	70	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM QUANG THAI	CTK3	71-72	2	16		83	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH TUẤN	CTK3	69	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM QUỐC CƯỜNG	CTK3	52	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM ĐỨC KIỂM	CTK3	56-57	2	10		78	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN HỮU BAO	CTK3	69,69	2	10	7	90	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN MẠNH HÙNG	CTK3	61	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÀO VIỆT HÙNG	CTK3	51	1	11		65	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN KHẮC THẮNG	CTK3	54-55	2	10		62	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ĐAN QUÊ	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯƠNG QUỐC BAO	CTK3	73	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HOÀNG ĐÀN	CTK3	52	1	8	40	64	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUÝ TÀI	CTK3	60	1	9		58	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN KHƯƠNG	CTK3	00	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG HIỀN	CTK3	53	1	2		68	KH-THAC	Vietnamese
20	MAI TẤT THÀNH	CTK3	65-66	2	20		77	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

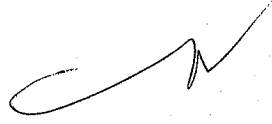
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	20	24	141	1.413	47	12		
2	P1	0	0	0	0	0	2		
3	VSP01	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		20	24	141	1.413	47	17		
WEIGHT KG				141	1.413	47			

GRAND TOAL: 1.601 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 13:40
FLIGHT:	TO: P6 - MRM	CREW: Hôi - MTuấn - NNam	ETA: 15:20
CAM-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CẢNH HIỀN	P6	46	1	5		55	GETRACO	Vietnamese
2	TRẦN QUỐC DOANH	P6	47-48	2	18		82	GETRACO	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC SƠN	P6	50	1	6		82	GETRACO	Vietnamese
4	LE VĂN HẠN	P6	45	1	6		60	GETRACO	Vietnamese
5	HA VAN THANH	P6	49	1	5		60	GETRACO	Vietnamese
6	EROFEEV	MRM	10-11	2	10		82	KHOAN	Russian
7	KIMAKOVSKY	MRM	07	1	10		94	KHOAN	Russian
8	KONDRATIUK	MRM	14-15	2	18		75	KHOAN	Russian
9	GABRIAN	MRM	01	1	6		83	KHOAN	Russian
10	CHEBYKIN	MRM	09	1	18		83	KHOAN	Russian
11	KHALITOV	MRM	08	1	5		77	KHOAN	Russian
12	DEREVIANKO	MRM	06	1	12		64	KHOAN	Russian
13	TRẦN QUỐC CƯỜNG	MRM	13	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
14	LAM VAN NHAN	MRM	16	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
15	LE THANH TU	MRM	04	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
16	PHAN NGOC TIEN	MRM	17	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TIEN	MRM	05	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN LINH	MRM	12	1	14		65	KHOAN	Vietnamese
19	LA QUÝ DANH	MRM	03	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
20	ALEXANDER POPOV	MRM	02	1	5		85	KHOAN	Russian
21	PHAM THE TAM	MRM	18-19	2	15	32	80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	5	6	40	339	0	5		
2	MRM	16	19	150	1.202	32	0		
TOTAL		21	25	190	1.541	32	5		
WEIGHT KG				190	1.541	32			

GRAND TOAL: 1.763 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 13:30
FLIGHT: 12	TO: AMD - CNV	CREW: Hạnh - Dương - DTùng	ETA: 15:10
TRANG-4			

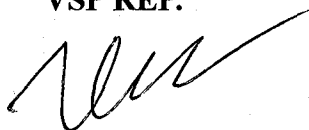
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CARLOS LOPEZ	AMD	82-83	2	10	20	96	KH-THAC	British
2	PHAM VAN NAM	AMD	90	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
3	LE VAN DAO	AMD	91	1	5	5	64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TIEN DUAN	AMD	88-89	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese
5	CHU VAN HAO	AMD	85	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
6	MOHD IZZAT	AMD	92-93	2	17		58	KH-THAC	Malaysian
7	NGUYEN KHAC HUNG	AMD	76-77	2	10		62	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN THE TRUYEN	AMD	86-87	2	14		78	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN ĐỨC QUAN	AMD	79	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
10	VÔ TÁ ĐÌNH	AMD	98-99	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN MINH THAI	AMD	95-96	2	14		73	XAYLAP	Vietnamese
12	PHÙNG QUANG ĐẠI	AMD	94	1	6		72	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ NGỌC TÂN	AMD	78	1	15		67	T-TIN	Vietnamese
14	NGUYEN HUU ĐỨC	AMD	80-81	2	19		78	T-TIN	Vietnamese
15	ĐỖ QUỐC TÙNG	CNV	93	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG ĐỨC HẠNH	CNV	98	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
17	LUYỆN VĂN THIỆU	CNV	94	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÀO TRỌNG HIỆP	CNV	96	1	10	60	72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN ĐỨC THANH	CNV	95	1	13		80	KH-THAC	Vietnamese
20	CAO KINH THAO	CNV	19-99	2	17		70	T-TIN	Vietnamese
21	TRƯƠNG QUANG TUU	CNV	18	1	7		70	T-TIN	Vietnamese
22	NGUYEN ĐÌNH TIỆN	CNV	97	1	6		73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

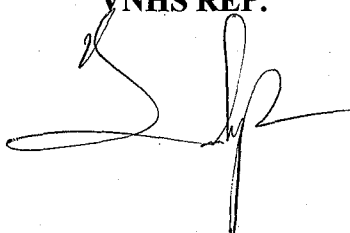
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	14	22	150	983	25	0		
2	CNV	8	9	74	581	60	13		
TOTAL		22	31	224	1.564	85	13		
WEIGHT KG				224	1.564	85			

GRAND TOAL: 1.873 KGS

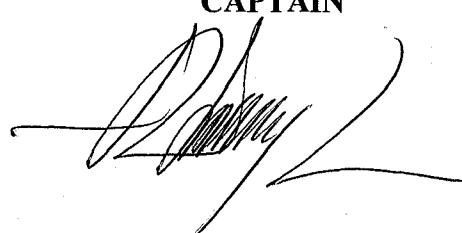
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 13:35
FLIGHT: 14	TO: VSP02 - CLO	CREW: Khang - MTHAO - THU	ETA: 15:15
xanh-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ TÂN LINH	VSP02	59	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN QUYẾT	VSP02					55	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ ĐÌNH KHOA	VSP02	58	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ QUỐC TRINH	VSP02	97	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN MẠNH HÀ	VSP02	93	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI XUAN TIEN	VSP02	99	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN QUỐC HOAN	VSP02	95	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN HỮU KHÁNH	VSP02	92	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
9	HÀ MẠNH THẮNG	VSP02	45	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
10	NGÔ ĐỨC CHU	VSP02	46	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	VSP02	43	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN GIÁP	VSP02	50	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
13	LŨ SƠN	VSP02	55	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	TÔ VĂN HÙNG	VSP02	56	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	TẠ VĂN CƯỜNG	VSP02	49	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ XUÂN BÌNH	VSP02	94	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI HUY BINH	VSP02					80	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ HAI ĐĂNG	VSP02	57	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ TRUNG DŨNG	VSP02	46	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
20	ROGINSKY	VSP02	98	1	5		113	ANTOAN	Russian
21	BUI VAN THOAI	VSP02					70	YTE	Vietnamese
22	NGUYỄN VŨ BA LINH	VSP02	48	1	3		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	22	19	102	1.516	0	19		
2	CLO	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	19	102	1.516	0	21		
WEIGHT KG				102	1.516	0			

GRAND TOAL: 1.618 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/03/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+P8+TTC2	7:25	14+8+0	0+0+0		14+7+1	0+0+0	
2		RP1+RC3+TD3	7:25	5+0+17	0+0+0		1+1+20	0+0+0	
3		TD ₁ ² MRM+TD5	9:25	17+4	0+0		10+9	0+0	
4		TD2+P8+TD3	9:25	5+9+7	0+0+0		0+5+16	0+0+0	1 người P6 về qua giàn P8

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 người P6 về qua giàn P8



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD5 - P8 - TTC2	CREW: Khang - MTHAO - Năm	ETA: 09:20
XANH1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ALEKSANDEROV A.A	TD5	89	1	3	20	87	KHOAN	Russian
2	GONCHAROV S.A	TD5	91	1	7		98	KHOAN	Russian
3	NGUYEN DUY TAM	TD5	98	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN TAN VINH	TD5	53-54	2	10		88	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN BINH	TD5	200	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
6	NG ANH HUNG*PK-PVD	TD5	92	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN THANH	TD5	48	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN ĐỨC THỊNH	TD5	99	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TRƯỞNG THIÊN	TD5	50	1	2		80	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN HIEN	TD5	49	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC CUONG*TN-PVD	TD5	90	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN THOI	TD5	51	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN MANH CUONG	TD5	93	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
14	HO MINH TRINH	TD5	52	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN HUU TRIET	TD5	97	1	10		64	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC AN	P8	70	1	15	32	75	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN HOA	P8	73-74	2	14		60	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN VAN LOI	P8	68-69	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese
19	TRAN HUY ANH	P8	64-65	2	19		94	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN LE	P8	75-76	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
21	LE DINH DO	P8	62-63	2	20	23	83	XAYLAP	Vietnamese
22	BUI ANH TUAN	P8	71-72	2	10		66	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	15	16	90	1.085	20	14		
2	P8	7	13	105	511	55	7		
3	TTC2	0	0	0	0	20	1		
TOTAL		22	29	195	1.596	95	22		
WEIGHT KG				195	1.596	95			

GRAND TOAL: 1.886 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: RP1 - RC3 - TD3	CREW: Phong - Dương - DTùng	ETA: 09:25
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM NHƯ SÁNG	RP1	80	1	10	35	75	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TUÂN	RP1	19	1	7		72	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN TUÂN ANH	RP1	20-22	3	15		60	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC TỈNH	RP1	25-26	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ TU KHA	RP1	23-24	2	15		80	XAYLAP	Vietnamese
6	GUSHEYNOV M.A	TD3	63-64	2	10		80	KHOAN	Russian
7	LÊ ANH XUAN	TD3					65	KHOAN	Vietnamese
8	HOÀNG VĂN THƯƠNG	TD3	67	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	VÔ VĂN DŨNG	TD3					80	KHOAN	Vietnamese
10	ĐOÀN QUANG BÁC	TD3	68	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGO VĂN KIỂM	TD3	69	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
12	CHU VĂN THẮNG	TD3	72	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	LƯU VĂN SƠN	TD3	66	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN PHI HÙNG	TD3	70	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN HAI NAM	TD3					67	KHOAN	Vietnamese
16	BUI VĂN LỢI	TD3	74	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN LÂM GIANG	TD3	65	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM HOANG ĐẠT-PVD	TD3	60-61	2	10	15	76	KHOAN	Vietnamese
19	KIEU TUÂN ANH	TD3	76-77	2	12		70	ĐKVN	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC TUÂN	TD3	62	1	7		80	ĐKVN	Vietnamese
21	VŨ BA THUẬN	TD3	71	1	5	52	65	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ MINH ĐỨC	TD3	73	1	12		95	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	5	9	62	352	35	1		
2	RC3	0	0	0	0	50	1		
3	TD3	17	17	92	1.243	67	20		
TOTAL		22	26	154	1.595	152	22		
WEIGHT KG				154	1.595	152			

GRAND TOAL: 1.901 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	TO: TD1 - MRM - TD5	CREW: Khang - MTHAO - Năm	ETA: 11:40
TRANG-2			

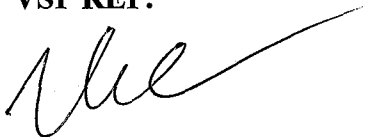
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG TIEN	TD1	13	1	12		78	KHOAN	Vietnamese
2	LUONG THE MINH	TD1	10-12	3	15		60	KH-THAC	SRLV
3	ZHESTKOV ALEXEY	MRM	24	1	15		100	KHOAN	Russian
4	FEYST ALEXANDER	MRM					72	KHOAN	Russian
5	IAREMCHENKO TARAS	MRM	26	1	3		89	KHOAN	Russian
6	PETEL SERGEI	MRM	31	1	5		95	KHOAN	Russian
7	PIMAKIN OLEG	MRM	27	1	10		110	KHOAN	Russian
8	MAKSHANTSEV EVGENY	MRM	30	1	6		71	KHOAN	Russian
9	BITSUTIN VLADISLAV	MRM	34-35	2	12		96	KHOAN	Russian
10	GRIGOREV ALEKSANDR	MRM				30	60	KHOAN	Russian
11	VORONIN MIKHAIL	MRM	25	1	5		88	KHOAN	Russian
12	LE DINH TAM	MRM	36	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN HUU TAN	MRM	40	1	8		50	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN TAN CONG	MRM	39	1	10		81	KHOAN	Vietnamese
15	LE XUAN THANH	MRM	41	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN CUONG	MRM	37-38	2	9		61	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN LY	MRM	29	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
18	ZHESTKOV IGOR	MRM	28	1	5		115	KHOAN	Russian
19	ĐINH TUNG LAM	MRM	42-43	2	10	38	64	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN HUNG QUAN	TD5	23	1	9		72	D-HANH	Vietnamese
21	HO VAN ANH	TD5					72	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN TRONG LAN	TD5	24	1	4	60	72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	2	4	27	138	0	2		
2	MRM	17	18	114	1.355	68	10		
3	TD5	3	2	13	216	60	9		
TOTAL		22	24	154	1.709	128	21		
WEIGHT KG				154	1.709	128			

GRAND TOAL: 1.991 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	TO: TD2 - P8 - TD3	CREW: Phong - Dương - DTùng	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	EREMEEV E.N	TD2	22	1	14		95	KHOAN	Russian
2	NGUYEN BAO TRUNG ANH	TD2	20-21	2	12		81	KHOAN	Vietnamese
3	NGO KIM LAM	TD2	28	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYEN BA THUAN	TD2	25	1	12	30	69	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYEN DUY BAI	TD2	23-24	2	15		80	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYEN BA THANH	P8	81-82	2	18		71	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN VAN DIEN	P8	85-86	2	13		65	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN QUANG HUY	P8	84	1	10		59	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN HUY GIANG	P8	90	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
10	VI THAI	P8	89	1	11		61	XAYLAP	Vietnamese
11	TRINH THANH GIANG	P8	88	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
12	TRAN VAN DU	P8	80	1	10		57	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI DUC ANH	P8	79	1	6		70	PSV	Vietnamese
14	TRAN DINH MINH	P8	87	1	3		84	PSV	Vietnamese
15	TRAN DUC LOI	P8	83	1	5		63	XAYLAP	Vietnamese
16	VU VIET HUAN	TD3	83	1	11		63	KH-THAC	Vietnamese
17	LE VAN NGHI	TD3	87	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN THANH	TD3	88	1	11		80	DVL	Vietnamese
19	MUNIUCHKIN V.V	TD3	89	1	14		92	DVL	Russian
20	NGUYEN VAN NAM CN	TD3	90	1	13		85	DVL	Vietnamese
21	PHAM HAI LONG	TD3	85-86	2	10	23	75	DVL	Vietnamese
22	ĐẶNG BA ĐIỀU	TD3	84	1	4		58	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	5	7	63	395	30	0		
2	P8	10	12	98	668	0	5		
3	TD3	7	8	75	520	23	16		
TOTAL		22	27	236	1.583	53	21		
WEIGHT KG				236	1.583	53			

GRAND TOAL: 1.872 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/03/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK16+JS2+RP3	7:25	3+19+0	0+0+0		0+15+7	0+0+0	
2		BK4+PPD+JS2	7:25	10+5+6	0+0+0		0+9+13	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ hàng của JS2 nếu có phải gửi vào chuyến 1 (chuyến 2 quá tải)

2/ Xem thông báo về tự trang bị khẩu trang khi ra sân như CV yêu cầu (đính kèm)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 02	TO: BK4 - PPD - JS2	CREW: Vận - CHIẾN - Toàn	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN KIM PHI HÙNG	BK4	36	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI NGOC THAO	BK4	40-41	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC HUY	BK4	34-35	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN QUANG QUYNH	BK4	29	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐẶNG TẤT HẠNH	BK4	30-31	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC ANH	BK4	32-33	2	17		71	XAYLAP	Vietnamese
7	VU THAI ANH	BK4	37-38	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN HAM CHUNG	BK4	42	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ HUY	BK4	43	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
10	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	39	1	7		65	PSV	Vietnamese
11	HÀ THAI QUỐC	PPD	01	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN SY	PPD	300	1	13	22	76	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN DUY TIẾN	PPD	99	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN MẠNH CƯỜNG	PPD	02	1	13		74	XAYLAP	Vietnamese
15	HÀ XUÂN THANH	PPD	03	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAM HONG THANG	JS2	81	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN VĂN KHANH	JS2	80	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	CAO DUC ANH	JS2	79	1	6	40	60	KHOAN	Vietnamese
19	PHI VAN TU	JS2	78	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
20	THAI TRUNG HIEU	JS2	77	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN DUC NGHIA	JS2	75-76	2	10		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	10	15	135	686	0	0	2	CHUYEN 2 PAX BK4 SANG PPD
2	PPD	5	5	55	357	22	9		
3	JS2	6	7	38	400	40	13		
TOTAL		21	27	228	1.443	62	22		
WEIGHT KG				228	1.443	62			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:32
FLIGHT: 01	TO: BK16 - JS2 - RP3	CREW: Vận - CHIẾN - Toàn	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH TÂM	BK16	88	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC TRÍ	BK16	89	1	10	120	72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN DUC	BK16	90	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN BÌNH MINH	JS2	08-09	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
5	STEPHEN D'CRUZ	JS2	70-71	2	17		83	KHOAN	Indian
6	TO BUU DAN	JS2	87	1	5	8	65	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN DUC CUONG	JS2	82	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	LUU VAN LOI	JS2	77	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
9	DO DUC MANH	JS2	72-73	2	15		75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN XUYEN	JS2	06	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN VAN SANG	JS2	76	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
12	DANG THE THANH	JS2	80	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM VAN DUNG	JS2	75	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN VAN KHOA	JS2	86	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
15	HUYNH KIM TRI	JS2	83	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN PHUC	JS2	81	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
17	TRUONG MINH TIEN	JS2	69	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
18	DAM NGOC TUAN ANH	JS2	78-79	2	17		65	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN VAN TIEP	JS2	84-85	2	17		75	KHOAN	Vietnamese
20	HUYNH VAN TRUNG	JS2	07	1	7		92	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN GIA CUONG	JS2	67	1	12		60	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN LE DANG QUANG	JS2	68	1	5		80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	3	3	32	222	120	0		
2	JS2	19	24	169	1.352	8	15		
3	RP3	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	27	201	1.574	128	22		
WEIGHT KG				201	1.574	128			

GRAND TOAL: 1.903 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

